TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GL** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số 259/2023/HNGĐ-ST Ngày 24/07/2023 Về việc: *Ly hôn.*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GL, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại;

Bà Nguyễn Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Toà án nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2023/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 03 năm 2023, về việc: Ly hôn.

Theo Quyết định đưa ra xét xử số 33/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 06 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện GL, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Chị Kiều Thị Như Q, sinh năm 1991;

ĐKHKTT: Thôn 6 (nay là thôn 7), xã N, huyện GL, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Khu 1, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội.

Bị đơn:

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Thôn 6 (nay là thôn 7), xã N, huyện GL, thành phố Hà Nội.

Chị Kiều Thị Như Q có mặt tại phiên tòa. Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/03/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Kiều Thị Như Q trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 02/2013 ngày 17/01/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện GL, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi về chung sống tại gia đình nhà chồng ở thôn 6, xã N, huyện GL, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, tính cách sống, đời sống chung vợ chồng không hòa hợp, hạnh phúc, anh H thường xuyên chơi bời, không chăm lo cho vợ con và đời sống gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng vào năm 2020, vợ chồng sống ly thân từ tháng 04/2020, tôi quay về gia đình nhà mẹ đẻ ở Khu 1, xã T, huyện B, thành phố Hà Nội, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Tôi đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

Về con chung: Tôi và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Đ, sinh ngày 05/08/2011. Hiện nay cháu đang ở cùng với tôi. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu là cháu Nguyễn Huỳnh Đ và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi.

Ngoài ra vợ chồng tôi không có con nuôi hoặc con riêng nào khác.

Về tài sản chung vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung vợ chồng (vay nợ và cho vay nợ): Tôi và anh H không có nợ chung; tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung vợ chồng.

Về án phí sơ thẩm: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về thông tin cư trú của anh H: Sau khi vợ chồng ly thân, anh H đi đâu, làm gì và ở đâu tôi không biết. Thỉnh thoảng anh H có gọi điện liên lạc với tôi nhưng cũng không cho biết anh H ở đâu. Ngoài địa chỉ thường trú của anh H tôi không còn biết anh H cư trú ở đâu khác.

Ngoài ra, chị Q không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

** Bị đơn là anh Nguyễn Văn H* đã được Tòa án báo gọi nhiều lần để cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ, trình bầy yêu cầu và nguyện vọng của mình nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như yêu cầu về việc giải quyết vụ án.

** Tại biên bản làm việc ngày 25/05/2023, đại diện Ủy ban nhân dân xã N cung cấp*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị Như Q và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 02/2013 ngày 17/01/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện GL, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Q, anh H về chung sống tại gia đình nhà chồng ở thôn 7, xã N, huyện GL, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng chị Q, anh H có bất hòa dẫn đến chị Q bỏ đi còn anh H cũng không còn sinh sống tại địa chỉ thôn 7, xã N trong nhiều năm. Địa phương cũng không biết anh H đi đâu và bao giờ trở về.

Về con chung: Chị Kiều Thị Như Q và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Đ, sinh ngày 05/08/2011.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chị Q, anh H: Chính quyền địa phương không nắm được.

Nay chị Q khởi kiện xin ly hôn với anh H, yêu cầu giải quyết vấn đề giao nuôi con chung, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại Biên bản làm việc ngày 25/05/2023, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị V là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Chị Kiều Thị Như Q và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại địa phương và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị về chung sống với gia đình ông bà tại thôn 7, xã N. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có vấn đề về làm ăn kinh tế. Vợ chồng chị Q, anh H chung sống tại thôn 7, xã N được một thời gian thì bỏ đi, không còn ở tại N trong nhiều năm. Từ khi bỏ đi, anh H thỉnh thoảng có liên lạc về gia đình nhưng không nói đi đâu và khi nào trở về. Trước khi chị Q nộp đơn ra Tòa, ông bà đã khuyên giải chị Q để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị Q xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc giao nuôi con chung, ông bà cho rằng đây là việc riêng của chị Q, anh H và để anh chị tự quyết định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; cung cấp thêm một số bản in các đoạn hội thoại giữa chị và anh H qua Facebook, Zalo và giữ nguyên lời khai ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án báo gọi, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án, không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị Như Q và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm tính cách sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 04/2020 cho đến nay, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, cho chị Q được ly hôn với anh H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Đ, sinh ngày 05/08/2011 cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu Đ trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác về nuôi con. Chị Kiều Thị Như Q không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh H cho đến khi cháu Đ trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác về cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên được giành lại để giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Chị Q chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL tham gia phiên tòa và người tham gia tố tụng về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Nguyên đơn là chị Kiều Thị Như Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc giao nuôi con chung với bị đơn là anh Nguyễn Văn H đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Hiện anh H có địa chỉ cư trú tại: Thôn 6 (nay là thôn 7), xã N, huyện GL, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng của đương sự*:

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của các bên đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị Như Q và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 02/2013 ngày 17/01/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện GL, thành phố Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không có mặt tại Tòa án, không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của chị Q, cũng không đưa ra yêu cầu đề nghị Toà án giải quyết, không giao nộp tài liệu chứng cứ. Như vậy, có thể thấy anh H không có mong muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Mặt khác, theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh H, chị Q chung sống và của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị V là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H cho thấy vợ chồng chị Q có mâu thuẫn gia đình thể hiện ra bên ngoài đã nhiều năm nay.

Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng chị Q, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19 và khoản 1 Điều 56 của của Luật Hôn nhân và gia đình,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, cho chị Q được ly hôn với anh H.

[2.2] Về con chung:

Chị Kiều Thị Như Q và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Đ, sinh ngày 05/08/2011. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng với chị Q.

Do anh H không có lời khai cũng như yêu cầu về việc giải quyết vụ án nói chung cũng như yêu cầu về việc giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Xét yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Chị Q đã trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ từ khi sinh ra cho đến nay; chị Q có điều kiện về chỗ ở, thời gian, vật chất để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt đồng thời cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở với chị Q nên để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho cháu Đ đồng thời tránh sáo trộn không cần thiết đối với cuộc sống và sinh hoạt của cháu Đ cần giao cháu Đ cho chị Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của của Luật Hôn nhân và gia đình.

Do vậy, giao cho chị Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ từ khi vợ chồng ly hôn đến khi cháu Đ trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác về nuôi con. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh H cho đến khi cháu Đ trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác về cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về tài sản chung. Tuy nhiên, do anh H không có lời khai và yêu cầu về tài sản chung vợ chồng nên giành lại để giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu và đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về nợ chung (vay nợ và cho vay nợ): Chị Q xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về nợ chung. Tuy nhiên, do anh H không có lời khai và yêu cầu về nợ chung vợ chồng nên giành lại để giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu và đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

[3] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GL tham gia

phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Kiều Thị Như Q là nguyên đơn xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kiều Thị Như Q đối với anh Nguyễn Văn H. Chị Kiều Thị Như Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung:

Chị Kiều Thị Như Q và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Đ, sinh ngày 05/08/2011.

Giao cháu Nguyễn Huỳnh Đ cho chị Kiều Thị Như Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi vợ chồng ly hôn đến khi cháu Đ trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác về nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị Kiều Thị Như Q không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Nguyễn Văn H cho đến khi cháu Đ trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Chị Q không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về tài sản chung nên giành lại để giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu và đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung (vay nợ và cho vay nợ): Chị Q xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết về nợ chung nên giành lại để giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu và đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Kiều Thị Như Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Q đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0073606 ngày 09/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GL. Xác nhận chị Kiều Thị Như Q đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Kiều Thị Như Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Như Trọng

Nơi nhận:
- VKSND huyện GL;
- Chi cục THADS huyện GL;
- UBND xã N, huyện GL (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2013, ngày 17/01/2013);
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA